

KINH TẾ ĐỐI NGOẠI Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

TRẦN VIỆT THẮNG*

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là một trong những vùng trọng điểm có nhiều tiềm năng, lợi thế để cất cánh song cũng có những điểm nghẽn. Chính vì vậy, Bộ Chính trị (khóa XIII) đã ban hành Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Việc đánh giá khách quan, toàn diện về những bước phát triển của vùng, đặc biệt là kinh tế đối ngoại trong thời gian đổi mới vừa qua, cùng những khó khăn, hạn chế sẽ giúp vùng có những giải pháp cụ thể để thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TW.

1. Thực trạng kinh tế đối ngoại của đồng bằng sông Cửu Long trong những năm qua

Thứ nhất, về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) luôn được vùng ĐBSCL ưu tiên trong bối cảnh cả nước đang thiếu vốn đầu tư để phát triển. Vấn đề thu hút đầu tư nước ngoài ở Việt Nam cũng như của vùng ĐBSCL chỉ chính thức từ năm 1988 sau khi Quốc hội ban hành *Luật Đầu tư nước ngoài* vào cuối năm 1987. Từ năm 1988 đến ngày 31/12/2016, ĐBSCL đã thu hút được một lượng vốn FDI để khai thác tiềm năng thế mạnh của khu vực với 1.326 dự án, có tổng số vốn đăng ký 18.549,10 tỷ USD¹. Đến ngày 20/6/2021, ĐBSCL có 1.818 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký khoảng 33 tỷ USD².

Có được những thành công này là do chính quyền các tỉnh không ngừng cải thiện môi trường đầu tư thông thoáng, thuận lợi

hơn cho doanh nghiệp (DN). Trong đó, có 5 tỉnh của ĐBSCL liên tục được ghi nhận trong nhóm điều hành kinh tế tốt và rất tốt, có chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2019, gồm: Đồng Tháp, Long An, Bến Tre, Vĩnh Long và thành phố Cần Thơ.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu thì việc thu hút đầu tư nước ngoài của vùng vẫn còn những hạn chế so với cả nước và các vùng khác. Vùng ĐBSCL chiếm gần 20% diện tích và dân số cả nước nhưng số dự án và vốn đầu tư FDI mới chỉ khoảng 10% của cả nước. 13 tỉnh trong vùng nhưng thu hút FDI trong năm 2018 chưa bằng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (1,5 tỷ USD so với 1,8 tỷ USD)³. Là vùng có thế mạnh về sản xuất nông nghiệp nhưng vốn FDI đầu tư vào nông nghiệp rất hạn chế, vào những ngành dịch vụ hiện đại cũng thấp, chủ yếu đầu tư vào những ngành chế biến, lắp ráp công nghệ thấp và trung bình, sử dụng lao động trình độ thấp.

Các nước đầu tư vào vùng ĐBSCL vẫn chủ yếu là từ các nước châu Á với công nghệ trung bình, rất ít các nước châu Âu đầu tư. Đài Loan có nhiều dự án đầu tư nhất vào khu vực này với 205 dự án và 1,46 tỷ USD tổng vốn đầu tư (chiếm 20,8% tổng số dự án và 12% tổng vốn đầu tư của toàn vùng). Tiếp theo là Hàn Quốc với 166 dự án và 1,3 tỷ USD tổng vốn đầu tư; Nhật Bản và Trung Quốc nhưng với quy mô đầu tư nhỏ⁴. Chưa

* TS, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

có sự kết nối giữa các DN FDI với các DN trong vùng nên sự lan tỏa của thành phần kinh tế FDI còn thấp. Sở dĩ thu hút vốn FDI của vùng còn hạn chế xuất phát từ nhiều lý do khác nhau, tạo thành điểm nghẽn thu hút FDI của vùng, cụ thể là:

Toàn vùng chỉ có 40 km đường cao tốc. Mặc dù giao thông đường thủy được coi là ưu thế của vùng nhưng cũng chủ yếu là vận chuyển nhỏ, còn vận chuyển hàng hóa trọng tải lớn thì không bảo đảm. Hai tuyến vận tải thủy quan trọng nhất là sông Tiền, sông Hậu thì tàu có tải trọng lớn không thể lưu thông. Vùng có 21 cảng, cảng lớn nhất là cảng Cái Cui, luồng vào chỉ đảm bảo tàu 10.000 tấn.

Về chất lượng nguồn nhân lực lao động của vùng ĐBSCL luôn thấp hơn nhiều so với mặt bằng chung nguồn nhân lực của cả nước. Năm 2019, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo của vùng ĐBSCL thấp nhất trong các vùng, chỉ có 13,6% trong khi cả nước là 23,1%⁵. Hơn nữa, số lượng các DN trong vùng còn ít và chủ yếu là DN nhỏ và siêu nhỏ, không có năng lực cung cấp các mặt hàng phụ trợ cho các DN FDI.

Thứ hai, về xuất khẩu hàng hóa trong những năm đổi mới không ngừng tăng lên. Năm 2018, kim ngạch xuất khẩu của vùng đã lần đầu chạm mốc 17,5 tỷ USD⁶. Với thế mạnh về sản xuất nông sản, mặt hàng xuất khẩu của vùng chủ yếu là lúa gạo, hàng chế biến thủy, hải sản và trái cây, cơ cấu các mặt hàng xuất khẩu của vùng cũng đang chuyển biến theo hướng tích cực, gia tăng xuất khẩu các mặt hàng công nghiệp.

Lượng xuất khẩu hàng hóa của 13 tỉnh ĐBSCL chưa bằng tỉnh Đồng Nai⁷.

Thứ ba, xuất khẩu lao động và thu hút khách du lịch quốc tế luôn được chú trọng, mở rộng hợp tác kinh tế quốc tế. Việc đẩy mạnh xuất khẩu lao động đã góp phần giải quyết vấn đề việc làm, thu nhập cho từng

người lao động khi tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm của vùng cao hơn so với cả nước, đồng thời, giúp gia tăng nguồn thu ngoại tệ và nâng cao trình độ của lực lượng lao động khi về nước. Thống kê từ năm 2016 đến tháng 10/2019, tổng số lao động đi làm việc ở nước ngoài của các tỉnh ĐBSCL là 30.645 lao động, tập trung vào các thị trường chính là Nhật Bản với 19.172 lao động và Đài Loan là 10.279 lao động⁸.

Với việc cải thiện chất lượng sản phẩm du lịch trong bối cảnh hội nhập quốc tế, số lượng du khách, trong đó có du khách quốc tế đến ĐBSCL ngày càng nhiều hơn. Năm 2018, lượng du khách đến ĐBSCL đạt 40 triệu lượt, tăng 17%, trong đó du khách quốc tế đạt 3,7 triệu lượt, tăng 20% so với năm 2017; tổng thu từ khách du lịch ước đạt 24 nghìn tỷ đồng. Mười tháng của năm 2019, tổng lượng khách cả vùng ĐBSCL đạt 32 triệu lượt, trong đó có 5,5 triệu khách quốc tế⁹. Tuy nhiên, thời gian lưu trú và mức độ tiêu tiền của các du khách quốc tế ở ĐBSCL còn thấp so với các địa phương khác. Vì vậy, lợi ích kinh tế từ việc phát triển số lượng du khách quốc tế đến vùng chưa cao.

2. Giải pháp phát triển kinh tế đối ngoại của vùng trong thời gian tới

Một là, để nâng cao chất lượng, hiệu quả thu hút nguồn vốn FDI của vùng thì các tỉnh trong vùng cần có chiến lược bài bản, lâu dài và khắc phục những điểm yếu của vùng. Các tỉnh trong vùng cần liên kết để tổ chức xúc tiến thương mại, giới thiệu những ưu thế của vùng để kêu gọi các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm. Đồng thời, khắc phục những điểm yếu về hạ tầng giao thông cũng như chất lượng nguồn nhân lực.

Để khắc phục được những điểm yếu này không chỉ đòi hỏi sự nỗ lực của từng tỉnh trong vùng mà cần có những chính sách ưu tiên, hỗ trợ từ trung ương. Trên cơ sở khảo sát thực tế so với nhu cầu phát triển, trung

ương cần ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước cho phát triển hạ tầng giao thông và giáo dục của vùng. Bên cạnh đó, chính quyền các tỉnh cũng cần nâng động hơn, có những cơ chế, chính sách khuyến khích hợp tác công - tư trong phát triển hạ tầng giao thông và giáo dục của vùng. Trước mắt, về giao thông đường bộ, cần đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình giao thông trọng điểm kết nối ĐBSCL với các vùng, miền khác, đặc biệt là Đông Nam Bộ, TP. Hồ Chí Minh và kết nối nội vùng. Về giao thông đường thủy, cần cải tạo và nâng cấp các cảng sông, cảng biển, đặc biệt là lựa chọn đầu tư một số cảng biển nước sâu có khả năng vận chuyển hàng hóa trọng tải lớn. Về giáo dục, đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc học tập đối với sự phát triển cho người dân, giúp đỡ những gia đình khó khăn tạo điều kiện cho con em họ được đi học, nâng cao trình độ.

Hai là, đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa của vùng, trong đó xây dựng, phát triển chuỗi cung ứng và dịch vụ logistics tại ĐBSCL là rất cần thiết để giảm giá thành xuất khẩu hàng hóa, nâng cao tính cạnh tranh. Phát triển dịch vụ logistics của vùng, cần đầu tư phát triển các trung tâm logistics vùng ĐBSCL ở Cần Thơ và Long An, bảo đảm có sức thu hút và lan tỏa, kết nối với các địa phương khác trong vùng. Hàng xuất khẩu thế mạnh của vùng là nông, thủy, hải sản, vì vậy, để xuất khẩu được nông, thủy hải sản sang các thị trường khó tính giá cao, vùng cần đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, đồng thời, đẩy mạnh khâu bảo quản, sơ chế. Việc phát triển công nghiệp chế biến nông sản cùng nâng cao giá trị gia tăng cho các mặt hàng nông sản xuất khẩu của vùng. Bên cạnh đó, vùng cũng cần đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế để xuất khẩu các mặt hàng phi nông nghiệp có lợi thế của vùng.

Ba là, đẩy mạnh xuất khẩu lao động trong đó cần chú ý nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của vùng, phát triển lành mạnh thị trường lao động với các công ty giới thiệu việc làm, công ty xuất khẩu lao động có chất lượng và uy tín cao. Đồng thời, chính quyền địa phương cần phải có các chính sách hỗ trợ cụ thể cho người lao động đi xuất khẩu lao động cũng như tận dụng nguồn nhân lực này khi họ về nước. Cần thu hút du khách quốc tế và để giữ chân được du khách lâu hơn cần phải đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các dịch vụ, sản phẩm du lịch, tránh sự trùng lặp giữa các địa phương. Đồng thời, các tỉnh trong vùng cần tăng cường liên kết phát triển du lịch với TP. Hồ Chí Minh, nơi đón một lượng khách du lịch quốc tế lớn để thu hút họ đến vùng □

Chú thích:

1. Một số giải pháp đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI tại đồng bằng sông Cửu Long. <https://tapchicongthuong.vn>, ngày 29/11/2017.
2. Xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long. <https://quochoi.vn>, ngày 11/8/2021.
- 3, 7. Đồng bằng sông Cửu Long: Nhất nước về PCI nhưng thu hút FDI... bết bắng! <https://tienphong.vn>, ngày 17/4/2019.
4. FDI vào đồng bằng sông Cửu Long chỉ chiếm 5% cả nước. <https://nhandan.vn>, ngày 03/4/2015.
5. Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương. Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở. H. NXB Thống kê tháng 12/2019, tr. 135.
6. Đồng bằng sông Cửu Long lần đầu đạt kim ngạch xuất khẩu. <https://thoidai.com.vn>, ngày 03/4/2019.
8. 30.645 lao động đồng bằng sông Cửu Long ra nước ngoài làm việc. <https://nld.com.vn>, ngày 04/12/2019.
9. TP. Hồ Chí Minh và 13 tỉnh, thành đồng bằng sông Cửu Long triển khai liên kết du lịch 2022. <https://www.dulichtravinh.com.vn>, ngày 25/4/2022.